TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày 04/8/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Chí Công**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Như Quang**
2. Ông **Rơ Châm Đương**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Vương Tấn Lập**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn T.**
Địa chỉ: 44 – Q, phường Ia, thành phố P, tỉnh G
Người đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Hiến**
Địa chỉ: 42 – N, phường Ia, thành phố P, tỉnh G
Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Huy D.**
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ia, huyện I, tỉnh G
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 19/11/2016 ông Nguyễn Huy D có vay của ông Nguyễn Tấn T 200.000.000đ lãi suất thoả thuận theo quy định của ngân hàng, thời hạn vay là 40 ngày. Ông D có đưa cho ông T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 064959 do UBND huyện I cấp ngày 19/9/2006 và chỉnh lý sang tên ngày

20/8/2015 để làm tin. Tuy nhiên hết thời hạn 40 ngày ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông T, ông T đã nhiều lần gọi điện trực tiếp và tìm đến nơi cư trú của ông D để yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho ông T biết. Nay để đảm bảo quyền lợi, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 200.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 10/12/2020 là 200.000.000đ x 20 %/năm (1,66%/tháng) x 1439 ngày = 159.249.333đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông D trả số nợ trên.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu về việc tính lãi, đề nghị Toà án xét xử và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng để bị đơn ông Nguyễn Huy D thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung, đại diện VKS đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 200.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại cho nguyên đơn toà bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn kiện bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đã vay theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án xem xét buộc bị đơn trả tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Xét việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được ghi trong đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chấp nhận việc thay đổi này.

[2]. Về nội dung: Tài liệu nguyên đơn giao nộp gồm tờ giấy có tiêu đề "Giấy nhận nợ" lập ngày 19/11/2016 có chữ ký tên "Người vay" Nguyễn Huy D; chữ ký tên "Bên cho vay" Nguyễn Tấn T thể hiện: ông Nguyễn Huy D có vay của ông Nguyễn Tấn T số tiền 200.000.000đ nhưng không ghi rõ lãi suất; tại phần "Thời hạn vay" chỉ ghi "Không nợ lãi quá 40 ngày" mà không ghi rõ thời hạn trả nợ gốc. Tại phiên toà đại diện nguyên đơn cho rằng: giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận thời hạn trả tiền nợ gốc và lãi là 40 ngày, nhưng do không hiểu biết nên mới ghi "Thời hạn vay: không nợ lãi quá 40 ngày". Tuy nhiên đại diện nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận thời hạn trả nợ gốc như trong đơn khởi kiện. Do vậy căn cứ vào Điều 471, 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Toà án xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi.

[3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 (khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015) quy định: "*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý"*. Như vậy nguyên đơn muốn bị đơn trả nợ gốc thì phải thông báo cho bị đơn một thời gian hợp lý. Tuy nhiên sau khi vay tiền, bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã cấp, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Toà án. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 200.000.000đ là có căn cứ.

[4]. Về yêu cầu trả lãi: Giấy nhận nợ do các bên lập không ghi rõ lãi suất, chỉ ghi "Không nợ lãi quá 40 ngày". Tại phiên toà đại diện nguyên đơn cho rằng mức lãi suất do nguyên đơn và bị đơn thoả thuận theo quy định của Ngân hàng Agribank nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc thoả thuận đó. Do vậy trường hợp này có cơ sở khẳng định các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi trên nợ gốc nhưng không rõ lãi suất và có tranh chấp nên phải áp dụng quy định các của pháp luật để tính lãi. Tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy *định " Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Như vậy quy định về mức lãi suất trong trường hợp không rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005 khác với Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được xác lập ngày 19/11/2016 là thời điểm trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên phải áp dụng các quy định về lãi suất của Bộ luật dân

sự năm 2005 để giải quyết. Tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước công bố *mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm.* Vậy mức lãi suất trong trường hợp này theo quy định của pháp luật là 200.000.000đ x 9%/năm x (20/11/2016 đến 04/8/2021) = **84.772.602đ**.

[5]. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật là 200.000.000đ (gốc) + 84.772.602đ (lãi) = 284.772.602đ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là 284.772.602đ x 5% = 14.238.630đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.981.233đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471, 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Tấn T**.

2. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Huy D** phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Thành 200.000.000đ tiền nợ gốc và 84.772.602đ tiền lãi, tổng cộng là **284.772.602đ** *(hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông **Nguyễn Huy D** phải chịu **14.238.630đ** *(mười bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông **Nguyễn Tấn T** toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là **8.981.233** *(tám triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)* theo biên lai thu số 0011810 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia, tỉnh G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Chí Công